

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST.

Ngày: 10/6/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Nghĩa

2. Ông Nguyễn Văn Len

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS ngày 3 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở chính: 18 Trần Hữu D, Mỹ Đ, Từ L, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt A - Chức vụ Phó giám đốc ngân hàng N - Chi nhánh huyện Như T Nam Thanh Hóa. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn Bến S, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

(Văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N và văn bản ủy quyền số: 186/UQ-NHT.NT ngày 10/3/2020 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Như T)

Bị đơn:

- Ông Lê Văn T - sinh năm 1980

- Bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1991
- Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1945

Trú tại: Thôn 3, xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên Tòa Nguyên đơn có mặt, Bị đơn Lê Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Việt A trình bày:*

Thực hiện theo chính sách cho vay vốn của ngân hàng, ngày 22/5/2018 Ngân hàng N - chi nhánh huyện Như T cho hộ gia đình ông Lê Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H (Bà H, bà L ủy quyền cho ông T đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng N chi nhánh huyện Như T theo Văn bản ủy quyền số 01/UQ ngày 21/5/2018) vay số tiền 50.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 3528-LAV-201802171 ngày 22/5/2018 (hợp đồng tín dụng); thời hạn vay là 12 tháng; lãi suất 09%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn; trả lãi 6 tháng/kỳ trả vào ngày 30 của tháng cuối kỳ. Mục đích vay vốn để chăn nuôi trâu, bò sinh sản và dịch vụ nông nghiệp. Khoản vay trên không có tài sản bảo đảm, thời hạn trả nợ vào ngày 16/5/2019.

Thì khi vay vốn đến thời hạn trả nợ ngày 16/5/2019 hộ gia đình ông Lê Văn T không trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và lãi, Ngân hàng đã tiến hành làm việc với gia đình ông T, thông báo thu hồi nợ thì hộ gia đình ông T mới trả cho Ngân hàng một vài lần tiền gốc, tính đến ngày 16/10/2020 hộ gia đình ông T còn nợ Ngân hàng N chi nhánh huyện Như T số tiền gốc là 24.000.000đ; lãi là 8.839.596đ (trong đó lãi trong hạn là 6.102.596, lãi quá hạn là 2.737.000đ)

Sau khi khởi kiện, hộ gia đình anh T đã trả cho Ngân hàng một phần tiền gốc và lãi theo bản kê khai đã gửi cho Tòa án. Tại phiên Tòa hôm nay Ông Nguyễn Việt A đề nghị Tòa án buộc hộ gia đình ông T phải trả cho Ngân hàng N toàn bộ số nợ trên và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2021) tổng cộng là: Gốc 14.000.000đ; lãi còn lại là: 9.634.604đ (trong đó lãi trong hạn 10.892.000đ, đã trả đã trả được 4.453.396 còn 6.438.604; lãi quá hạn là 3.196.000đ). Tổng cộng: 23.634.604đ (Hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng)

Kèm theo đơn khởi kiện, ông Nguyễn Việt A đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Hồ sơ hợp đồng tín dụng; văn bản theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ; văn bản ủy quyền tham gia tố tụng; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 06/2020/QĐST-DS ngày 28/9/2020; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0005211 ngày 04/11/2020 và các tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến nhân thân của các đương sự.

** Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là thành viên hộ gia đình gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Lê Văn T không hợp tác với Tòa án, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham gia Hòa giải gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tại văn bản về ý kiến của bị đơn ngày 26/12/2020 đồng bị đơn là ông Lê Văn T trình bày: Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, nhận được giấy triệu tập, thông báo Hòa giải, biết Ngân hàng N - chi nhánh Như Thanh khởi kiện nhưng vì công việc phải đi làm ăn xa, Bà H là mẹ đẻ thì già yếu, tai bị điếc, vợ là Nguyễn Thị L đi làm công nhân rất khó khăn về thời gian nên không thể tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh thừa nhận gia đình có vay của Ngân hàng N&PTNT chi nhánh huyện Như T số tiền 50.000.000 là có thật và đúng như ông Nguyễn Việt A đã trình bày. Đây là khoản nợ chung của hộ gia đình anh, anh không nhớ rõ mình trả bao nhiêu lần nhưng theo anh số nợ cả gốc và lãi chỉ còn khoảng hơn 20.000.000đ và hứa sẽ có trách nhiệm trả hết số nợ trên trong thời gian sớm nhất.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Nguyễn Việt A đại diện cho phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc hộ gia đình ông T phải trả cho Ngân hàng N số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (10/6/2021) tổng cộng là: Gốc 14.000.000đ; lãi còn lại là: 9.634.604đ (trong đó lãi trong hạn 10.892.000đ, đã trả đã trả được 4.453.396 còn 6.438.604; lãi quá hạn là 3.196.000đ). Tổng cộng: 23.634.604đ (Hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng)

Ngoài ra, ông Nguyễn Việt A còn yêu cầu Tòa án buộc các thành viên hộ gia đình ông Lê Văn T phải chịu tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi quá hạn được ghi trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí, ông Nguyễn Việt A đề nghị các thành viên hộ gia đình ông Lê Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Phần tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự;

Về nội dung vụ án: Đồng Bị đơn là ông Lê Văn T thừa nhận gia đình anh có vay Ngân hàng số tiền như đã nêu và đây là khoản nợ chung của gia đình anh, anh và các thành viên trong gia đình gồm Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đồng ý để ông T và các thành viên trong hộ gia đình phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng. Vì vậy đề nghị Tòa án

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí DSST có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; và tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Như Thanh, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ cho ông Lê Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn có thái độ không hợp tác và vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng ngày 29/01/2018 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh Như Thanh với hộ gia đình Lê Văn T đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự, mức lãi xuất hai bên thỏa thuận phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước và phù hợp với các quy định tại Điều 117 của Bộ Luật Dân sự và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quá trình thực hiện hợp đồng và trách nhiệm dân sự: Bên vay tài sản là hộ gia đình anh Lê Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng (Đến hạn trả tiền mà không trả) nay Ngân hàng N&PTNT chi nhánh huyện Như T có đơn khởi kiện buộc hộ gia đình anh T trả nợ nên hộ gia đình anh T phải có trách nhiệm trả nợ theo các điều khoản có trong hợp đồng tín dụng số 3528-LAV-201802171 ngày 22/5/2018 là phù hợp với quy định tại các Điều 280; 351; 466 của Bộ luật Dân sự; phù hợp với khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[5] Về trách nhiệm trả nợ: Đây là khoản vay chung của hộ gia đình anh T với Ngân hàng N chi nhánh huyện Như T để phát triển kinh tế gia đình do vậy các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng phải có trách nhiệm liên đới trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo điều 288 của Bộ luật dân sự.

[6] Xét tính hợp pháp của số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ HĐXX thấy rằng:

- Khoản tiền gốc còn 14.000.000 đồng là tiền hộ gia đình anh T chưa trả nay đã quá hạn nên gia đình ông phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

- Số tiền lãi trong hạn chưa trả theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng (lãi suất 9%/năm) cụ thể:

+ Từ ngày 22/5/2018 đến ngày 16/5/2019 (360 ngày) là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 09\% / 365 \text{ ngày} \times 360 \text{ ngày} = 4.500.000 \text{ đồng}$.

- Số tiền lãi quá hạn chưa trả theo thỏa thuận tại khoản 3 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng (lãi suất 13,5%/năm) cụ thể:

+ Từ ngày 17/5/2019 đến ngày 25/11/2019 (193 ngày) là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 13.5\% / 365 \text{ ngày} \times 193 \text{ ngày} = 3.618.750 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 26/11/2019 đến ngày 29/7/2020 (247 ngày) là: $42.000.000 \text{ đồng} \times 13.5\% / 365 \text{ ngày} \times 247 \text{ ngày} = 3.890.250 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 30/7/2020 đến ngày 18/11/2020 (112 ngày) là: $24.000.000 \text{ đồng} \times 13.5\% / 365 \text{ ngày} \times 112 \text{ ngày} = 1.008.000 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 19/11/2020 đến ngày 31/12/2020 (43 ngày) là: $14.000.000 \text{ đồng} \times 13.5\% / 365 \text{ ngày} \times 43 \text{ ngày} = 225.750 \text{ đồng}$.

+ Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 10/6/2021 (161 ngày) là: $14.000.000 \text{ đồng} \times 13.5\% / 365 \text{ ngày} \times 161 \text{ ngày} = 845.250 \text{ đồng}$.

Lãi trong hạn và quá hạn là 14.088.000đ; đã trả lãi 4.453.396đ, còn lại 9.634.604đ.

Cả gốc và lãi là: 14.000.000đ (gốc) + 9.634.604đ (lãi) = 23.634.604đ (Hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng)

Số tiền phía nguyên đơn yêu cầu và không trái quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên HĐXX chấp nhận chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

[7] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp có điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải chịu sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí DSST trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của

Bộ luật Tố tụng Dân sự; và tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội; Theo đó các thành viên trong hộ gia đình ông Lê Văn T (gồm Lê Văn T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L) phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng N được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280; của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117; Điều 212; 288; Điều 351; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng N, tổng số tiền: 23.634.604đ (Hai mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi tư nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 14.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn: 6.438.604đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 3.196.000 đồng.

Về án phí: anh Lê Văn T, chị Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới chịu 1.181.730 đồng (Một triệu, một trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm ba mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngân hàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 820.990 đồng (Tám trăm hai mươi nghìn, chín trăm chín mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0005211 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận là 150% của lãi suất trong hạn (theo thỏa thuận trong hợp đồng, lãi suất trong hạn là 09% năm, tức lãi suất quá hạn là 13,5%/năm). Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà người phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của tổ chức tín dụng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Như Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Quân